| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CỦ CHI**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 312/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21-3-2023.
V/v tranh chấp ly hôn

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Túy Phượng

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh

2. Bà Phạm Thị Ngọc

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Trương Thị Hằng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi:*** Không tham gia phiên toà.

Trong ngày 21 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1623/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Thanh Ph, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số 113B, đường HVT, ấp XĐ, xã TPT, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

*2. Bị đơn:* Bà Đặng Thị Diễm Tr, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số 113B, đường HVT, ấp XĐ, xã TPT, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ghi ngày 18 tháng 10 năm 2022, tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Huỳnh Thanh Ph trình bày như sau:

Ông và bà Tr có tìm hiểu nhau vào năm 2005. Đến năm 2006, cả hai tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 15/3/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, theo giấy chứng nhận kết hôn số 52, quyển số 01. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng hạnh phúc. Những năm gần đây, vợ chồng ông xảy ra nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, thường xuyên gây gỗ nhau, tính tình

không hợp. Năm 2019, ông và bà Tr sống ly thân, không ai quan tâm đến đời sống của nhau nữa. Ông nhận thấy cuộc hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt nên ông xin ly hôn với bà Tr.

Về con chung: Ông và bà Tr có 02 con chung tên Huỳnh Đăng Kh, sinh ngày 04/7/2006 và Huỳnh Anh Th, sinh ngày 08/01/2008, ông xin trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu bà Tr cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Ông xác định không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông xác định không có.

Bị đơn bà Đặng Thị Diễm Tr trình bày tại bản tự khai ngày 09/02/2023 như sau:

Năm 2005, bà và ông Huỳnh Thanh Ph tìm hiểu nhau và cả hai cùng tiến đến hôn nhân vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống hạnh phúc. Đến năm 2019, vợ chồng chúng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã nhau, cả hai không còn tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặc dù ở chung nhà nhưng vợ chồng bà đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Do mục đích hôn nhân không đạt, không hạnh phúc nên ông Ph nộp đơn xin yêu cầu ly hôn với bà. Bà đồng ý ly hôn với ông Ph vì mâu thuẫn vợ chồng xảy ra không thể hàn gắn được.

Về con chung: Bà và ông Ph có 02 con chung tên Huỳnh Đăng Kh, sinh ngày 04/7/2006, Huỳnh Anh Th, sinh ngày 08/01/2008. Các con tự quyết định sống với cha hay mẹ thì người đó có trách nhiệm nuôi, nếu các con sống với cha thì bà đồng ý. Bà xin không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà xác định không có tài sản chung.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà xác định không có.

Về thẩm quyền tòa án giải quyết, khi ông Ph nộp đơn đã chọn là Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết vì bà sinh sống tại địa chỉ Số 113B, đường HVT, ấp XĐ, xã TPT, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Do hai vợ chồng không hợp nhau nên thỉnh thoảng bà có về nhà cha mẹ ruột ở huyện AB, tỉnh Kiên Giang để giảm bớt căng thẳng trong hôn nhân. Do đó, khi Tòa án mời bà đến giải quyết vụ ly hôn bà không đến được theo thời gian trong giấy triệu tập. Bà vẫn đồng ý lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Củ Chi tiếp tục giải quyết vụ ly hôn của ông Ph và bà. Do không sắp xếp được thời gian đến Tòa án để giải quyết vụ kiện nên bà xin Tòa án nhân dân huyện Củ Chi tiến hành các thủ tục tố tụng và xét xử vắng mặt bà.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ đơn xin ly hôn nộp ngày 18 tháng 10 năm 2022, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn là bà Đặng Thị Diễm Tr có nơi cư trú tại Số 113B, đường HVT, ấp XĐ, xã TPT, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi.

Bị đơn bà Tr có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Ph:

Ông Ph và bà Tr tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 52, Quyển số 01 cấp ngày 15/3/2006 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn phát sinh: Ông Ph trình bày nguyên nhân phát sinh mâu do vợ chồng thường xuyên gây gỗ nhau, tính tình không hợp. Bà Tr cũng xác định năm 2019, vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, thường xuyên cãi vã. Cả hai không còn tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặc dù ở chung nhà nhưng vợ chồng bà đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để tạo điều kiện cho các đương sự hàn gắn tình cảm, đồng thời giải quyết các mâu thuẫn phát sinh nhưng bà Tr xin vắng mặt, bà Tr không yêu cầu tiến hành hòa giải. Như vậy, bà Tr và ông Ph không có nguyện vọng đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng. Ông Ph và bà Tr đã sống ly thân thân từ năm 2019 cho đến nay. Bà Tr đồng ý ly hôn với ông Ph. Xét thấy, ông Ph và bà Tr không còn tạo điều kiện cho nhau để thực hiện quyền, nghĩa vụ vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng trên thực tế không còn. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

[3] Về con chung: Ông Ph và bà Tr có 02 con chung tên Huỳnh Đăng Kh, sinh ngày 04/7/2006, Huỳnh Anh Th, sinh ngày 08/01/2008. Qua tham khảo ý kiến của cháu Kh, cháu Th đều có nguyện vọng sống cùng ông Ph. Ông Ph xin quyền trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bà Tr cấp dưỡng. Bà Tr thống nhất với nguyện vọng của các con và đồng ý để con chung cho ông Ph trực tiếp nuôi. Nhằm tạo điều kiện để cháu Kh và cháu Th được phát triển bình thường cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Kh và cháu Th, Hội đồng xét xử xét căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Kh và cháu Th cho ông Ph trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Ph tự nguyện không yêu cầu bà Tr cấp dưỡng. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của ông Ph. Tuy nhiên, vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 và khoản 2 Điều 119 của Luật Hôn

nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng con chung.

Bà Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

[5] Về tài sản chung: Ông Ph và bà Tr xác định không có. Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông Ph và bà Tr xác định không có. Ông Ph và bà Tr không có yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xét xét là phù hợp.

[6] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự , Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; buộc nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định là phù hợp.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118, 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Cho ly hôn giữa ông Huỳnh Thanh Ph và bà Đặng Thị Diễm Tr.

2. Về con chung: Ông Ph được trực tiếp nuôi hai con chung tên Huỳnh Đăng Kh, sinh ngày 04/7/2006, Huỳnh Anh Th, sinh ngày 08/01/2008. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Ph không yêu cầu bà Tr cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 và khoản 2 Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng con chung.

Bà Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung: Ông Ph và bà Tr xác định không có. Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông Ph và bà Tr xác định không có.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông Ph phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Ph đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0020218 ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Ông Ph đã nộp đủ tiền án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Toà án nhân dân TP. Hồ Chí Minh
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- UBND xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Túy Phượng**